

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 460/BDTTG-PC ngày 25/02/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ, như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và Nghị định số 127/2024/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định)

Trong những năm qua, công tác dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống chủ trương, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được hoàn thiện, đặc biệt là việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xu hướng tăng cường bảo đảm quyền của các dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững và bao trùm đối với các nhóm yếu thế ngày càng được quan tâm, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về công tác dân tộc và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Trong bối cảnh đó, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và Nghị định số 127/2024/NĐ-CP của Chính phủ là cơ sở pháp lý quan trọng để các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

Tỉnh Đắk Lắk (sau khi hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên) giáp với các tỉnh Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, tỉnh Mondulhiri-Vương quốc Campuchia và Biển Đông; có diện tích tự nhiên 18.096,40 km²; gồm 102 đơn vị hành chính cấp

xã (88 xã, 14 phường); dân số 3.307.117 người. Trên địa bàn tỉnh có 44 dân tộc thiểu số sinh sống với 839.909 người, chiếm 25,4% dân số toàn tỉnh; trong đó đông nhất là dân tộc Ê đê 427.736 người (12,93%), Nùng 90.971 người (2,75%), Tày 66.645 người (2,02%), M'ông 56.485 người (1,71%), Mông 45.073 người (1,36%), Gia Rai 23.964 người (0,72%), Thái 23.953 người (0,72%), các dân tộc khác 105.082 người (3,18%).

Theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Quyết định số 02415/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Đắk Lắk có 81 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 16 xã khu vực I, 14 xã khu vực II, 51 xã khu vực III và 704 thôn đặc biệt khó khăn.

Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk có 11 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, gồm: Ba Na, Dao, Ê đê, Gia rai, Hmông, Lào, M'ông, Xơ đăng, Hrê, Xtiêng, Chăm, với 617.985 người (18,69%); 01 dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc Chứt, với khoảng 1.000 người (0,03%). Thực hiện Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh đã thực hiện rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, tính đến ngày 31/12/2025, toàn tỉnh Đắk Lắk có 833.563 hộ dân, trong đó hộ dân tộc thiểu số là 182.697 hộ (21,91%). Kết quả rà soát dự kiến tổng số hộ nghèo là 34.411 hộ (4,13%), hộ cận nghèo là 40.101 hộ (4,82%) so với tổng số hộ toàn tỉnh. Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là 22.717 hộ (12,43%) và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 18.875 hộ (10,33%) so với tổng số hộ dân tộc thiểu số.

Nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự chỉ đạo của các cấp, các ngành và nỗ lực của đồng bào các dân tộc, việc triển khai các chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục phát triển ổn định; sinh kế của người dân ngày càng đa dạng; thu nhập từng bước được cải thiện; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

2. Quá trình thực hiện tổng kết Nghị định

Giai đoạn 2016 - 2021, UBND tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ tại Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 29/7/2021.

Thực hiện Công văn số 460/BDTTG-PC của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở báo cáo của

các cơ quan, đơn vị, địa phương; cơ quan chuyên môn của tỉnh (Sở Dân tộc và Tôn giáo) tổng hợp, xây dựng và tham mưu báo cáo kết quả như sau.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Nghị định

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định

UBND tỉnh đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 và Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền về công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương đã chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định thông qua nhiều hình thức như: Đăng tải trên báo, đài, Cổng thông tin điện tử; lồng ghép trong các hội nghị tập huấn, hội nghị chuyên đề, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn... Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nội lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Công tác chỉ đạo, điều hành trong xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Nghị định

Triển khai thực hiện Nghị định, các cấp, các ngành trong tỉnh đã chủ động cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc thông qua việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Tỉnh ủy đã ban hành các văn bản quan trọng như: Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 19/5/2022 về xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 27/7/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

HĐND tỉnh đã ban hành một số nghị quyết liên quan như: Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện như: Kế hoạch số 1936/KH-UBND ngày 21/3/2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 07/6/2022 về thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh,...

Việc ban hành các văn bản nêu trên đã góp phần cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả các quy định của Nghị định, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc

2.1. Chính sách đầu tư và sử dụng nguồn lực

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk được ngân sách trung ương phân bổ 6.837 tỷ đồng để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia¹; trong đó vốn đầu tư phát triển hơn 4.161 tỷ đồng, vốn sự nghiệp hơn 2.676 tỷ đồng. Cùng với nguồn vốn trung ương, tỉnh đã chủ động bố trí hơn 1.688 tỷ đồng từ ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình, chính sách; trong đó, vốn đầu tư phát triển hơn 1.351 tỷ đồng, vốn sự nghiệp hơn 337 tỷ đồng.

Nguồn lực đầu tư được ưu tiên bố trí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới; đồng thời được lồng ghép với các nguồn vốn hợp pháp khác như nguồn vốn ODA, vốn viện trợ phi chính phủ (NGO) và nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Bên cạnh đó, tỉnh đã tập trung triển khai các giải pháp phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề và kết nối cung - cầu lao động; nâng cao năng lực hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm; triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách và người có công.

Nhờ đó, việc sử dụng các nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

¹ Đầu tư, nâng cấp 289 công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; 35 công trình điện; 17 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng; 4 công trình trạm y tế; 49 công trình trường học; 42 công trình thủy lợi. Thực hiện duy tu bảo dưỡng 662 công trình cơ sở hạ tầng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2. Chính sách đầu tư phát triển bền vững

2.2.1. Chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Dự án 1 Chương trình MTQG DTTS&MN: Ngân sách nhà nước đã bố trí hơn 265 tỷ đồng để hỗ trợ đất ở cho 152 hộ², hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 50 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 1.866 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 18.088 hộ; nâng cấp, cải tạo 19 công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc nông cụ cho 747 hộ.

Dự án 2 Chương trình MTQG DTTS&MN: Tỉnh đã triển khai 16 dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại 15 xã, với tổng kinh phí hơn 705 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ chuyển đổi nghề cho khoảng 2.200 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho hơn 7.300 hộ ở các điểm dân cư, với tổng kinh phí trên 24 tỷ đồng.

Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tỉnh đã hỗ trợ nhà ở cho 3.399 hộ nghèo, hộ cận nghèo; trong đó, xây mới 2.253 căn nhà và sửa chữa 1.146 căn nhà.

Việc triển khai các chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt đã góp phần từng bước giải quyết những khó khăn thiết yếu của hộ đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và hạn chế tình trạng di cư tự do.

2.2.2. Chính sách tín dụng đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số

Chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ được triển khai kịp thời, tạo điều kiện cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất, cải thiện nhà ở và chuyển đổi nghề.

Tính đến nay, tổng dư nợ chính sách tín dụng ưu đãi là 182.904 triệu đồng với 3.624 hộ vay vốn, trong đó: Vay hỗ trợ đất sản xuất 44 hộ/2.101 triệu đồng; vay hỗ trợ làm nhà 1.887 hộ/74.898 triệu đồng; vay chuyển đổi nghề 1.693 hộ/105.905 triệu đồng.

Nguồn vốn tín dụng ưu đãi đã giúp nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, cải thiện điều kiện nhà ở, tạo việc làm và nâng cao thu nhập, qua đó góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2.2.3. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến hết năm 2025 đạt 95,91%, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường.

² Trong đó, hỗ trợ bằng tiền cho 132 hộ tự san sẻ đất ở trong gia đình, dòng họ để làm nhà ở; hỗ trợ trực tiếp đất ở và bố trí kinh phí để tạo mặt bằng cho 20 hộ.

Hiện nay, ngành nông nghiệp đang quản lý 51 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn (trong đó 01 công trình đã ngừng hoạt động), phục vụ 36.490 hộ dân, trong đó có hơn 9.480 hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Đặc biệt, có 6.468 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã khu vực III và hộ nghèo được hỗ trợ sử dụng 5 m³ nước sạch/hộ từ các công trình cấp nước tập trung, góp phần giảm chi phí sinh hoạt và cải thiện điều kiện vệ sinh, sức khỏe cho người dân.

2.3. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.379 cơ sở giáo dục³, 21 trường phổ thông dân tộc nội trú với tổng số lớp là 129 và 4.379 học sinh⁴ (gồm 03 Trường PTDTNT THPT và 18 trường PTDTNT THCS), 07 trường phổ thông dân tộc bán trú⁵, góp phần tạo điều kiện học tập cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 59,29%.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên đã tuyển sinh đào tạo 19.961 học viên; tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho khoảng 22.000 học sinh tham gia (16.400 học sinh THCS, 5.600 học sinh THPT). Tỷ lệ học sinh sau THCS đăng ký tham gia học nghề hoặc tiếp tục học chương trình GDTX kết hợp học nghề có xu hướng tăng nhẹ. Các chế độ, chính sách đối với học sinh và giáo viên vùng dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ; qua đó, góp phần thu hút và ổn định đội ngũ giáo viên công tác tại vùng khó khăn. Bên cạnh đó, tỉnh đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo khởi công xây dựng 03 trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tại các xã Buôn Đôn, Ia Lốp và Ia Rvê, với tổng kinh phí đầu tư 390,477 tỷ đồng.

Những năm qua, ngân sách nhà nước đã bố trí trên 208 tỷ đồng thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 5 Chương trình MTQG DTTS&MN để đầu tư cơ sở hạ tầng cho 22 trường PTDTNT, trường PTDTBT; mua sắm, cung cấp trang thiết bị dạy học, thiết bị chuyển đổi số, duy trì hoạt động thường xuyên của 02 trường PTDTNT THPT N'Trang Long và Đam San; đồng thời, hỗ trợ kinh phí triển khai 07 lớp xóa mù chữ cho người dân, 16 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3, đối tượng 4 và lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với khoảng 1.700 lượt người tham

³ gồm: 453 trường mầm non, 456 trường tiểu học, 349 trường trung học cơ sở, 94 trường trung học phổ thông, 24 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và 03 trường cao đẳng.

⁴ Trường PTDTNT THPT N'Trang Long: 18 lớp với 549 học sinh; trường PTDTNT THPT Đam San: 18 lớp, với 622 học sinh; trường PTDTNT THPT Phú Yên: 09 lớp với 314 học sinh và 18 trường PTDTNT cấp THCS: 84 lớp với 2.894 học sinh.

⁵ 06 trường PTDTBT THCS (Trường PTDTBT THCS Phan Bội Châu, thuộc xã Ea Trang, Trường PTDTBT THCS Nguyễn Khuyến, thuộc xã Cư Prao, Trường PTDTBT THCS Võ Nguyên Giáp, thuộc xã Cư M'ta, Trường PTDTBT THCS Tô Hiệu xã Krông Á, Trường PTDTBT THCS Đinh Núp, thuộc xã Phú Mỹ, Trường PTDTBT TH và THCS Bùi Thị Xuân, thuộc xã Cư Pong); 01 trường PTDTBT Tiểu học (Trường PTDTBT Tiểu học Trần Quốc Toàn, thuộc xã Ea Trang).

gia, 4 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho khoảng 200 học viên.

2.4. Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được tỉnh quan tâm thực hiện. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị toàn tỉnh đạt 10,02%; trong đó, cấp xã 17,30%, cấp tỉnh 6,25%. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số từng bước được thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị và trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2.5. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.063 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Các chế độ, chính sách đối với người có uy tín được thực hiện đầy đủ theo quy định, bao gồm: Cung cấp thông tin, tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm, thăm hỏi, động viên, khen thưởng và cấp phát báo, tạp chí miễn phí.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã cấp miễn phí báo, tạp chí⁶ cho người có uy tín, tổ chức 30 hội nghị tập huấn cho 3.112 lượt người có uy tín; tổ chức 20 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm với 575 lượt người tham gia; thăm hỏi, tặng quà 8.780 lượt người có uy tín vào dịp Tết Nguyên đán; thăm hỏi 141 trường hợp ốm đau, 99 trường hợp qua đời; cấp 126 điện thoại thông minh cho người có uy tín⁷; động viên, khen thưởng 463 người có uy tín có thành tích tiêu biểu trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương.

Đội ngũ người có uy tín đã phát huy tốt vai trò là cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; góp phần giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc và bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.6. Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa

Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc được quan tâm triển khai thực hiện. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, phục dựng và phát huy gắn với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của địa phương. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển sâu rộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc.

⁶ Báo Đắk Lắk, Báo Phú Yên, Báo Dân tộc và Phát triển (nay là Báo VietNamnet).

⁷ Do Quỹ Thiện Tâm (Tập đoàn VinGROUP) tài trợ kinh phí.

Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư xây dựng, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa được chú trọng; tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ trình Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Công viên địa chất Phú Yên là Công viên địa chất toàn cầu.

Ngân sách nhà nước đã bố trí trên 82 tỷ đồng thực hiện Dự án 6 Chương trình MTQG DTTS&MN để Đầu tư Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu buôn Tong Jú, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột và buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk; Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới một số Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp Di tích lịch sử CADA, di tích lịch sử Địa điểm Miếu thờ tại đồn điền CADA, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc; Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao cho một số thôn, buôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.7. Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Các giải thể thao và hoạt động vui chơi, giải trí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Nhiều môn thể thao truyền thống của các dân tộc như bắn nỏ, bắn ná, cà kheo, đẩy gậy, kéo co... được duy trì, phát triển và trở thành hoạt động sinh hoạt văn hóa - thể thao quen thuộc tại các địa phương.

Bên cạnh đó, các địa phương đã quan tâm khôi phục, bảo tồn và phát huy nhiều trò chơi, môn thể thao dân gian mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số như: Đua thuyền tại các huyện Krông Ana, Lắk, Ea Súp, Cư Kuin; vật truyền thống tại huyện Krông Pắc (trước đây),... Các hoạt động này không chỉ góp phần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo không khí vui tươi, gắn kết cộng đồng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc khu vực II được tổ chức định kỳ 02 năm một lần là dịp quan trọng để các địa phương giao lưu, thi đấu và đánh giá phong trào thể dục thể thao trong đồng bào dân tộc thiểu số. Qua các kỳ tham gia, đoàn thể thao các dân tộc thiểu số của tỉnh luôn đạt được nhiều thành tích cao, khẳng định vị thế của tỉnh trong khu vực. Đây cũng là cơ sở để tiếp tục định hướng phát triển phong trào thể dục thể thao và các môn thể thao truyền thống trong thời gian tới.

Cùng với phát triển phong trào, tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT. Hầu hết các xã, phường, thị trấn đã bố trí quỹ đất cho hoạt động thể thao; cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được nâng cấp cả về số lượng và chất lượng. Các công trình TDTT trong lực

lượng vũ trang, trường học, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp cũng được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tham gia luyện tập và thi đấu thể thao.

Ở cấp tỉnh, hiện nay có 01 đơn vị sự nghiệp về TDTT với hệ thống cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu huấn luyện vận động viên các tuyến, tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, đồng thời đăng cai tổ chức nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế.

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã đầu tư xây dựng một số công trình TDTT cấp huyện như nhà thi đấu TDTT tại huyện M'Đrăk và huyện Krông Ana. Năm 2024, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện sửa chữa khu nhà ở vận động viên của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh Phú Yên (cũ), bao gồm xử lý chống thấm, sơn sửa bên trong và bên ngoài, sửa chữa hệ thống điện, nước và bổ sung trang thiết bị phục vụ sinh hoạt, tập luyện.

Bảo tồn và phát huy các môn thể thao truyền thống đã góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; gắn với việc thực hiện các phong trào lớn như “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tuy nhiên, phong trào tập luyện thể dục thể thao trong đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa bàn vẫn chưa phát triển đồng đều; số lượng người tham gia luyện tập thường xuyên còn hạn chế. Việc phát hiện, bồi dưỡng vận động viên là người dân tộc thiểu số để tham gia các môn thể thao thành tích cao còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thể thao của tỉnh trong giai đoạn mới.

2.8. Chính sách phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Trong những năm gần đây, công tác đầu tư cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh từng bước được quan tâm, phục hồi và nâng cao chất lượng, đặc biệt sau giai đoạn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, các khu, điểm tham quan du lịch tiếp tục được đầu tư phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu của du khách.

Tính đến hết tháng 12 năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 785 cơ sở lưu trú du lịch, với tổng số 14.212 buồng, phòng, trong đó có 53 khách sạn được công nhận hạng từ 01 đến 05 sao, 223 khách sạn chưa xếp hạng, 349 nhà nghỉ, 06 nhà khách, 149 homestay, 02 bãi cắm trại và 03 căn hộ du lịch. Công suất sử dụng buồng trung bình đạt khoảng 50%. Toàn tỉnh hiện có 51 khu, điểm tham quan du lịch; 51 đơn vị kinh doanh lữ hành du lịch, trong đó, có 19 đơn vị lữ hành quốc tế. Tỉnh đã cấp và đang quản lý 237 thẻ hướng dẫn viên du lịch, gồm 132 thẻ hướng dẫn viên nội địa, 81 thẻ hướng dẫn viên quốc tế và 24 thẻ hướng dẫn viên tại điểm; đồng thời có 13 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai với nhiều hình thức phong phú, góp phần giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh và bản sắc văn hóa của tỉnh Đắk Lắk đến với du khách và nhà đầu tư trong nước và quốc tế, từng bước phục hồi và phát triển hoạt động du lịch trong điều kiện tình hình mới.

Tỉnh đã tích cực tham gia nhiều hội chợ, triển lãm du lịch trong nước như: Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam (VITM) tại Hà Nội vào các năm 2022, 2023, 2024, 2026; Liên hoan Ẩm thực Hạ Long - Quảng Ninh năm 2022; Liên hoan Du lịch biển Nha Trang các năm 2022, 2023; Hội chợ Du lịch - Ẩm thực và Đặc sản vùng miền Phú Yên các năm 2023, 2024; Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh các năm 2023, 2024, 2025; Lễ hội tận hưởng mùa hè Đà Nẵng năm 2023; Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh (ITE HCMC) năm 2025; Lễ hội ẩm thực Thu Mỹ Vị tại Hội chợ Mùa Thu năm 2025; tham dự Diễn đàn “Du lịch nông thôn gắn với văn minh sinh thái và kiến tạo môi trường sống xanh”. Thông qua các sự kiện này, tỉnh đã tổ chức gian hàng chung giới thiệu, quảng bá du lịch, văn hóa, ẩm thực và các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng tổ chức nhiều hoạt động quảng bá du lịch ngay tại địa phương như: Liên hoan Văn hóa ẩm thực; gian hàng quảng bá du lịch tại Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 năm 2023 và lần thứ 9 năm 2025; Ngày hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Đắk Lắk; Ngày hội Khởi nghiệp tỉnh Đắk Lắk; tổ chức đón vị khách du lịch thứ 1,5 triệu và đoàn khách du lịch đầu tiên đến tỉnh Đắk Lắk nhân dịp Tết Dương lịch năm 2025. Đồng thời, tổ chức nhiều chương trình quảng bá, kích cầu du lịch như: Chương trình thời trang thổ cẩm Việt Nam - Đắk Lắk 2025; Chương trình nghệ thuật - thời trang “Đắk Lắk - Âm vang ngày mới”; Chương trình kích cầu thu hút khách du lịch dịp hè năm 2025; Ngày hội Văn hóa, Du lịch và Ẩm thực Đắk Lắk năm 2025,...

Song song với các hoạt động quảng bá, tỉnh cũng tổ chức và tham gia nhiều hội nghị xúc tiến, liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong cả nước như: Hội nghị quảng bá, xúc tiến du lịch Đắk Lắk trong khuôn khổ VITM Hà Nội năm 2022; Hội nghị kết nối, xúc tiến quảng bá du lịch tại tỉnh Đồng Tháp năm 2022; Hội nghị xúc tiến, quảng bá và hợp tác du lịch tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long,...

Tỉnh cũng tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch với nhiều địa phương như: Làm việc với Sở Du lịch Hà Nội, Hiệp hội Du lịch và các đơn vị lữ hành quốc tế tại Hà Nội nhằm kết nối đưa khách quốc tế đến tham quan Đắk Lắk; Tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch tại Quảng Ninh, Hải Phòng; Hội nghị hợp tác phát triển du lịch giữa Khánh Hòa và Đắk Lắk giai đoạn 2023-2025; Chương trình liên kết phát triển du lịch giữa các tỉnh Phú Yên - Bình Định - Gia Lai - Đắk Lắk; ký kết hợp tác phát triển du lịch giữa Đồng Nai với các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng đến năm 2030; đồng thời phối hợp với các tỉnh Kon

Tum, Gia Lai, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên tổ chức hội nghị đánh giá triển khai chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch.

Thông qua các hoạt động xúc tiến, quảng bá và liên kết phát triển du lịch, hình ảnh, tiềm năng và các giá trị văn hóa đặc sắc của tỉnh, đặc biệt là không gian văn hóa cồng chiêng, văn hóa cà phê và văn hóa truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên, ngày càng được giới thiệu rộng rãi, góp phần thu hút du khách và từng bước thúc đẩy phát triển du lịch gắn với văn hóa cộng đồng tại các buôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Việc đầu tư phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch gắn với văn hóa truyền thống của các dân tộc còn chậm; sản phẩm du lịch chưa thật sự đặc trưng, hấp dẫn; khả năng cạnh tranh chưa cao trong việc phát triển du lịch gắn với văn hóa cộng đồng tại các buôn, làng truyền thống. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng còn hạn chế, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để thu hút các tổ chức, cá nhân và người dân tham gia đầu tư phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, dịch vụ homestay và các sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương.

2.9. Chính sách y tế, dân số

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁸. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân⁹. Tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đầu tư, phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp, với nhiều thiết bị kỹ thuật cao, ứng dụng thành công các kỹ thuật mới, tiên tiến, điều trị có hiệu quả một số bệnh nặng, hiểm nghèo. Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân theo lộ trình; xã hội hóa trong y tế được đẩy mạnh, hình thành nhiều cơ sở y tế tư nhân với quy mô lớn, hiện đại; sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế ngày càng cao. Các chính sách thu hút, đãi ngộ, tuyển dụng, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ được quan tâm triển khai. Hoạt động hành nghề y, được tư nhân được quản lý tốt hơn; công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh. Nhìn chung, việc triển khai thực hiện chính sách y tế, dân số đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thu hẹp khoảng cách trong tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng trên địa bàn tỉnh.

⁸ Thực hiện Dự án 7 Chương trình MTQG DTTS&MN, ngân sách nhà nước đã phân bổ hơn 79 tỷ đồng vốn đầu tư thực hiện để đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm Y tế của 02 huyện nghèo 30^a là huyện M'Drăk và Ea Súp.

⁹ Hiện nay, có 79,86% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030; đến cuối năm 2025 đạt 29,8 giường bệnh/1 vạn dân; 8,6 bác sĩ trên 1 vạn dân; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%.

2.10. Chính sách thông tin - truyền thông

Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm triển khai, đạt nhiều kết quả tích cực. Việc nghiên cứu, ứng dụng và nâng cao năng lực tiếp cận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật được thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống cơ chế, chính sách về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ từng bước được hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Nhiệm vụ chuyển đổi số được đẩy mạnh, với trọng tâm là xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành xã hội số. Các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành được quan tâm đầu tư, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

Hạ tầng số và các nền tảng công nghệ số tiếp tục được đầu tư, nâng cấp với nhiều dự án trọng điểm được triển khai. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng, các dịch vụ đô thị thông minh và các nền tảng ứng dụng công nghệ số từng bước được xây dựng và vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Phong trào “Bình dân học vụ số” được phát động rộng rãi nhằm phổ cập kiến thức số, kỹ năng số đến với các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hạ tầng truyền dẫn, viễn thông và Internet băng thông rộng tiếp tục được đầu tư phát triển. Hệ thống mạng lưới các điểm phục vụ bưu chính được mở rộng, bảo đảm 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ bưu chính và được phủ sóng viễn thông, Internet, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ số và các dịch vụ hành chính công trực tuyến.

2.11. Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

a) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Công tác PBGDPL, đặc biệt là tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc được các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: Tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt pháp luật; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền; đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống trang thông tin điện tử.

Trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức 02 hội nghị trực tuyến phổ biến, quán triệt các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và Kỳ họp thứ 9; đồng thời thường xuyên cập nhật tin, bài trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh; tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ, công chức và Nhân dân.

Công tác biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền pháp luật tiếp tục được duy trì thường xuyên. Bản tin Tư pháp Đắc Lắc được xuất bản định kỳ với số lượng 1.500 cuốn/quý, hàng triệu ấn phẩm tuyên truyền pháp luật, tờ rơi, tờ gấp đã được phát hành đến cơ sở nhằm phục vụ công tác tuyên truyền pháp luật trong Nhân dân.

Thông tin pháp luật cũng được tuyên truyền thường xuyên trên các trang thông tin điện tử như: Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, cùng các nền tảng mạng xã hội như Zalo Official Account “PBGDPL tỉnh Đắc Lắc”, góp phần đưa các quy định pháp luật đến gần hơn với người dân.

Hiện nay, tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu trên địa bàn tỉnh có 80 tủ sách pháp luật, được bố trí tại các địa điểm thuận tiện cho người dân tiếp cận. Các tủ sách pháp luật được quản lý theo quy định, thường xuyên được rà soát, cập nhật tài liệu mới, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở cơ sở.

b) Công tác trợ giúp pháp lý (TGPL)

Công tác TGPL tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng thụ hưởng, đặc biệt là người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trong thời gian qua, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thụ lý 4.396 vụ việc trợ giúp pháp lý; trong đó, có 1.134 vụ việc trợ giúp pháp lý cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong tổng số vụ việc này, có 1.122 vụ việc tham gia tố tụng, 11 vụ việc tư vấn pháp luật và 01 vụ việc đại diện ngoài tố tụng.

Hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện thường xuyên thông qua nhiều kênh thông tin như: Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Báo Đắc Lắc và các phương tiện truyền thông khác. Đặc biệt, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 đã thiết lập tài khoản Zalo với tên gọi “Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắc Lắc” nhằm tăng cường ứng

dụng mạng xã hội trong hoạt động truyền thông và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý.

2.12. Chính sách bảo vệ môi trường, sinh thái

Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường từng bước được nâng cao, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng¹⁰; các chương trình, dự án bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên được triển khai đồng bộ, góp phần duy trì độ che phủ rừng, bảo vệ hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường được tăng cường; các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, khai thác tài nguyên trái phép được phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2.13. Chính sách quốc phòng, an ninh

Công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, xây dựng vững chắc. Công tác tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được triển khai chặt chẽ, đúng quy định, góp phần nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và khả năng phối hợp giữa các lực lượng trong xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh và thiên tai.

Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục được đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân.

Lực lượng công an, quân đội và các lực lượng chức năng tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, tuyến đầu trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống

¹⁰ Tỷ lệ che phủ rừng dự kiến đạt 41,37%, gần mức bình quân cả nước.

dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn và hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị đã kịp thời ban hành nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tổ chức quán triệt, triển khai các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh trật tự; thường xuyên tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy, tập huấn phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động¹¹.

3. Kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc

3.1. Công tác kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk được thành lập theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/7/2025 của HĐND tỉnh.

Theo Quyết định số 0143/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh, hiện nay, cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo gồm Lãnh đạo Sở (Giám đốc và các Phó Giám đốc) và 04 phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Chính sách; Phòng Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo; Phòng Tôn giáo.

Tổng số biên chế được giao là 65 biên chế; số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo là 41/65 biên chế. Trong đó, 16 lãnh đạo, quản lý (gồm 04 Lãnh đạo Sở, 04 Trưởng phòng và 08 Phó Trưởng phòng) và 25 công chức. Công chức là người dân tộc thiểu số 10 người, chiếm 25%.

3.2. Kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Công tác tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và chính sách về dân tộc được quan tâm triển khai. Các chương trình, chính sách dân tộc, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tổ chức thực hiện kịp thời, góp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và từng bước nâng cao điều kiện sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong triển khai chính sách dân tộc ngày càng chặt chẽ; các nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được huy động và sử dụng đúng quy định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc được duy trì thường xuyên; qua đó, kịp thời nắm bắt tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tham mưu xử lý những vấn đề phát sinh.

¹¹ có 09 viên chức, lao động nhập ngũ; xây dựng 01 đại đội; 02 trung đội và 75 tiểu đội tự vệ với 1.018 người; cử 2.172 lượt người tham gia huấn luyện dân quân tự vệ, 1684 lượt người tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh dành cho các đối tượng theo quy định.

Nhiệm vụ thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau khi triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và Nghị định số 127/2024/NĐ-CP của Chính phủ, công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, gắn với thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các chính sách dân tộc được triển khai tương đối toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin - truyền thông, phổ biến pháp luật, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần cải thiện điều kiện sống của đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại một số địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của một số dân tộc còn gặp khó khăn; một số chính sách triển khai còn chậm hoặc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong bối cảnh hiện nay, hệ thống chính sách liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng đa dạng, phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực và nhiều cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc và công tác tôn giáo có xu hướng gắn kết chặt chẽ hơn về chức năng, nhiệm vụ, đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Từ thực tiễn nêu trên, tỉnh Đắk Lắk đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu xây dựng và tham mưu ban hành Luật về công tác dân tộc và tôn giáo nhằm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý có tính ổn định, lâu dài để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân, cũng như cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương trong thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo.

2. Đề nghị Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

3. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực từ ngân sách Trung ương để triển khai các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc.

Trên đây là báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; UBND tỉnh Đắk Lắk gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vk. 07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn